TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 52/2025/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 05 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397, Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" thụ lý số 753/2024/HNST ngày 09 tháng 12 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Bà Bùi A, sinh năm 2002;

Địa chỉ thường trú: Số N5 TM, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Lê T, sinh năm 1992;

Đia chỉ: Thôn Y, xã L, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Bùi A và ông Lê T sau một thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2024, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 19 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký ngày 19/02/2024).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do thường xuyên cãi nhau, không cùng quan điểm sống. Cả hai đã cùng nhau khắc phục nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng,

cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ lúc kết hôn đến nay.

Hiện nay, ông Lê T và bà Bùi A xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông Lê T và bà Bùi A cùng yêu cầu được thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông Lê T và bà Bùi A xác nhận có 01 con chung họ và tên Lê P (Nam), sinh ngày 10/02/2024.

Cả hai thỏa thuận sau khi ly hôn, bà Bùi A là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, ông Lê T cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng giao nhận tiền cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng. Cả hai tự giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Ông Lê T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[2] Về tài sản chung: Ông Lê T và bà Bùi A xác nhận không có tài sản chung.

[3] Về nợ chung: Ông Lê T và bà Bùi A xác nhận không có nợ chung.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Ông Lê T và bà Bùi A phải chịu tiền giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

[1.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi A và ông Lê T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 19 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký ngày 19/02/2024).

[1.2]. Về con chung: Cả hai đương sự khai có 01 con chung họ và tên Lê P (Nam), sinh ngày 10/2/2024.

Cả hai thỏa thuận sau khi ly hôn, bà Bùi A là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, ông Lê T cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng giao nhận tiền cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng. Cả hai tự giao

nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Ông Lê T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[1.3]. Về tài sản chung: Không có.

[1.4]. Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Bà Bùi A và ông Lê T chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu ký hiệu BLTU/23P số 0036900 ngày 09/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy bà Bùi A và ông Lê T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.7, TP HCM;
- C/c THADS Q.7, TP HCM;
- C/q đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án (Loan).

THẨM PHÁN

TAND QUẬN 7

050225.TL.QDBA.52

Trương Như Thủy